

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 1488/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 14 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh
doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị Quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định

của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị Quyết

Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (*bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*).

Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh quy định tại Nghị quyết 79/2016/NQ - HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/2/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được xây dựng tương quan với mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp¹ theo Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, hiện nay, mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, cắt giảm từ 200.000 đồng/hồ sơ xuống còn 50.000 đồng/hồ sơ (*điều chỉnh theo Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính*). Do đó, mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh theo Nghị quyết 79/2016/NQ - HĐND và Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND đang cao hơn mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đang được áp dụng hiện nay.

Bên cạnh đó, trong những năm 2020-2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của tỉnh nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ kinh doanh, Hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã nói riêng. Chính phủ đã ban hành các chủ trương, chính sách và UBND tỉnh đã triển khai hỗ trợ cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh trước tình hình dịch bệnh kéo dài.

Xét thấy mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh hiện nay đang cao hơn mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đồng thời nhằm góp phần giảm nhẹ ảnh hưởng của dịch bệnh đối với các tổ chức kinh tế tập thể và hộ cá thể, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ thay thế nội dung

¹ Lệ phí đăng ký doanh nghiệp là mức thu phí về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho các loại hình doanh nghiệp.

lệ phí đăng ký kinh doanh tại Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/2/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đảm bảo đúng và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, đảm bảo cơ sở pháp lý, khách quan, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng góp phần thu ngân sách chung của tỉnh, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương, đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế (bao gồm kinh tế tập thể hợp tác xã, kinh tế tư nhân) bình đẳng, hợp tác, cùng phát triển.

2. Quan điểm

Dự thảo Nghị quyết được soạn thảo trên cơ sở các quan điểm sau:

- Nội dung bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012, phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Các khoản phí đăng ký doanh nghiệp (mức được phép thu tối đa), đảm bảo khả thi và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương và thực tế hiện nay, kế thừa một số nội dung phù hợp của Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12 thán 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Giao nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết²; xây

² Công văn số 789/UBND - TH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh trình kỳ họp tháng 7 năm 2022

dụng Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gửi Sở Tài chính thẩm định³; đăng tải trên trang thông tin điện tử và lấy ý kiến bằng văn bản⁴ của VCCI, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các sở, ngành có liên quan và Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh; ý kiến góp ý đã được cơ quan soạn thảo tổng hợp tiếp thu, bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; Hồ sơ Nghị quyết được Sở Tư pháp thẩm tra đủ điều kiện trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chủ trương trình Hội đồng nhân tỉnh xem xét thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định trực tiếp gồm 3 Điều (*Có dự thảo Nghị quyết kèm theo*)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

2. Những nội dung cơ bản

a. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Đối tượng áp dụng: Cá nhân, thành viên hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân) khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã.

b. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

- Mức thu lệ phí

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã,	50.000 đồng/lần

³ Công văn số 1000/SKHĐT-ĐKKD ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc đề nghị thẩm định Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Công văn số 999/STC-QLG ngày 18/5/2022 của Sở Tài chính về thẩm định Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

⁴ Công văn số 1002/SKHĐT-ĐKKD ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Tờ trình, Nghị Quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

STT	Nội dung thu	Mức thu
	Liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).	cấp
2	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp
3	Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản sao trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	3.000 đồng/1 bản
4	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	15.000 đồng/1 bản

- Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau

Thay đổi các thông tin khi nhà nước thay đổi địa giới hành chính;

Đăng ký giải thể, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động;

Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp.

- Tổ chức thu lệ phí

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thu lệ phí đối với Liên hiệp Hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thu lệ phí đối với Hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí chủ động xây dựng kế hoạch vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng

cấp kiểm tra, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thông qua theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm Tờ trình gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết;

(2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(4) Bảng tổng hợp so sánh giữa Nghị quyết cũ và dự thảo Nghị quyết đề nghị ban hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 8

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí
và Lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số
107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của
Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày ngày 04 tháng 01 năm 2021
của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ
sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Xét Tờ trình số 1488 /TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng: Cá nhân, thành viên hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân) khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã.

Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

1. Mức thu lệ phí

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).	50.000 đồng/lần cấp
2	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp
3	Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản sao trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	3.000 đồng/1 bản
4	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	15.000 đồng/1 bản

2. Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau:

a) Thay đổi các thông tin khi nhà nước thay đổi địa giới hành chính;

- b) Đăng ký giải thể, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động;
- c) Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;
- d) Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp.

3. Tổ chức thu lệ phí

- a) Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thu lệ phí đối với đối tượng Liên hiệp Hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.
- b) Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thu lệ phí đối với Hợp tác xã, hộ kinh doanh.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

- a) Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.
- b) Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.
- c) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
- d) Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí chủ động xây dựng kế hoạch vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thông qua theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này bãi bỏ điểm a khoản 6 Điều 1 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ...tháng ...năm 2022 và có hiệu lực từ ngày...tháng... năm 2022./.”

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các CQ tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản);
- Lưu: VT, P.Ctác HĐND, ĐN, HN.

CHỦ TỊCH

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1174/SKHĐT-ĐKKD ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết, tờ trình ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Bên cạnh đó, tại tên dự thảo nghị quyết cần bỏ cụm từ “trên địa” để tránh trùng lặp.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo cần chỉnh sửa những nội dung sau:

- Tại phần căn cứ pháp lý

+ Tại căn cứ pháp lý thứ 9 dự thảo cần bỏ các từ “về” trước 02 cụm từ “hướng dẫn” và cụm từ “sửa đổi, bổ sung” cho chính xác với tên văn bản viện dẫn làm căn cứ pháp lý.

+ Tại căn cứ pháp lý thứ 10 dự thảo cần viện dẫn chính xác thẩm quyền ban hành Thông tư là Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tại tên các Điều 2, 3 dự thảo cần thay dấu hai chấm bằng dấu chấm và tại các khoản 2, 3, 4 Điều 2 cần bỏ cụm nội dung theo Điều, khoản, điểm, cụ thể:

“Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

...

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

...”

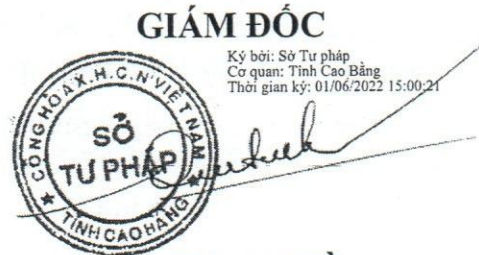
4. Kết luận

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung nêu trên để dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các PGĐ Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.



Bàn Thanh Hiền

Số: 1249 /SKHĐT-ĐKKD

Cao Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH
Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 89/BCTĐ-STP ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu chỉnh sửa và giải trình các ý kiến thẩm định như sau:

1. Những nội dung tiếp thu ý kiến thẩm định

1.1. Ý kiến thứ nhất

Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Bên cạnh đó, tại tên dự thảo nghị quyết cần bỏ cụm từ “trên địa” để tránh trùng lặp.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, chỉnh sửa nội dung trên.

1.2. Ý kiến thứ hai

- Ý kiến thẩm định của Sở tư pháp:

+ Tại căn cứ pháp lý thứ 9 dự thảo cần bỏ các từ “về” trước 02 cụm từ “hướng dẫn” và cụm từ “sửa đổi, bổ sung” cho chính xác với tên văn bản viện dẫn làm căn cứ pháp lý.

+ Tại căn cứ pháp lý thứ 10 dự thảo cần viện dẫn chính xác thẩm quyền ban hành Thông tư là Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo nội dung trên.

- Tại tên các Điều 2, 3 dự thảo cần thay dấu hai chấm bằng dấu chấm và tại các khoản 2, 3, 4 Điều 2 cần bố cục nội dung theo Điều, khoản, điểm, cụ thể:

“Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành”

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo nội dung trên.

2. Những nội dung không tiếp thu ý kiến thẩm định: Không.

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở,
- Lưu: VT, ĐKKD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 06/06/2022 16:31:14



Bê Thị Tú Hằng

**UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1241 /SKHĐT-ĐKKD
V/v Đề án “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”

Cao Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2022

ĐỀ ÁN

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).

Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh quy định tại Nghị quyết 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/2/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa

đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được xây dựng tương quan với mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp¹ theo Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, hiện nay, mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, cắt giảm từ 200.000 đồng/hồ sơ xuống còn 50.000 đồng/hồ sơ (điều chỉnh theo Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính). Do đó, mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh theo Nghị quyết 79/2016/NQ - HĐND và Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND đang cao hơn mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đang được áp dụng hiện nay.

Bên cạnh đó, trong những năm 2020-2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của tỉnh nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ kinh doanh, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nói riêng. Chính phủ đã ban hành các chủ trương, chính sách và UBND tỉnh triển khai hỗ trợ cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh trước tình hình dịch bệnh kéo dài.

Xét thấy mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh hiện nay đang cao hơn mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đồng thời nhằm góp phần giảm nhẹ ảnh hưởng của dịch bệnh đối với các tổ chức kinh tế tập thể và hộ cá thể, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ thay thế nội dung lệ phí đăng ký kinh doanh tại Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; Nghị Quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/2/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đảm bảo đúng và phù hợp với quy định hiện hành.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;

¹ Lệ phí đăng ký doanh nghiệp là mức thu phí về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho các loại hình doanh nghiệp.

- Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Căn cứ Thông tư số 106/TT-BTC, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Phần II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU PHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2021

- Trong thời gian qua, các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã tổ chức thu phí Lệ phí đăng ký kinh doanh (Liên hiệp HTX, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 79/2016/NQ- HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, việc thu, nộp lệ phí luôn được thực hiện nghiêm túc, 100% lệ phí đăng ký kinh doanh được thu nộp vào ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật phí, lệ phí.

- Việc thực hiện thu lệ phí đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng quy định đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân khi thực hiện đăng ký kinh doanh, đóng góp vào thu ngân sách chung của tỉnh.

Tổng hợp kết quả thu lệ phí giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh như sau:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

STT	Năm	Tổng số thu lệ phí	Hợp tác xã (Bao gồm cấp mới, thay đổi)	Hộ kinh doanh (Bao gồm cấp mới, thay đổi)	Tổng số thu nộp ngân sách
1	2019	106.520	3.960	102.560	106.520
2	2020	101.810	5.230	96.580	101.810
3	2021	114.480	5.190	109.290	114.480
	Tổng	322. 810	14.380	308.430	322. 810

II. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THU PHÍ

1. Đối tượng nộp phí

Cá nhân, thành viên hộ gia đình thực hiện đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã.

2. Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau

- Thay đổi các thông tin khi Nhà nước thay đổi địa giới hành chính;
- Đăng ký giải thể, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động;
- Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước.

- Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với Hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp.

3. Mức thu lệ phí

3.1. Mức thu lệ phí Tại khoản 3 Điều 1, Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đang áp dụng như sau:

STT	Danh mục thu lệ phí	ĐVT	Mức thu	
			Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã	Hộ gia đình
1	Đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cấp	100.000	50.000
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (<i>chứng nhận hoặc thay đổi</i>)	Đồng/lần cấp	30.000	30.000
3	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cấp	3.000	3.000
4	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	Đồng/1 bản	15.000	15.000

3.2. Mức thu lệ phí được điều chỉnh như sau:

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh; Hợp tác xã; Liên hiệp hợp tác xã	50.000 đồng/lần cấp
2	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp

3	Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản sao trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	3.000 đồng/bản
4	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	15.000 đồng/1 bản

- Điều chỉnh giảm mức thu lệ phí Đăng ký kinh doanh được quy định tại Mục 1, điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với đăng ký Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã từ 100.000 đồng/lần giảm xuống 50.000 đồng/lần cấp; Hộ kinh doanh đề nghị giữ nguyên mức thu như hiện nay 50.000 đồng/ lần cấp. Cơ quan soạn thảo căn cứ vào mức quy định tại Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp (lệ phí đăng ký doanh nghiệp với mức thu 50.000 đồng/lần cấp) làm cơ sở tham khảo để điều chỉnh giảm cho phù hợp với quy định;

- Giữ nguyên mức lệ phí được quy định tại Mục 2,3,4 điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3.3 Mức thu nộp Lệ phí đăng ký kinh doanh tại một số địa phương

Đơn vị tính: Đồng/ lần

STT	Tên tỉnh	Nghị Quyết đã ban hành	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Lạng Sơn	Nghị Quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018	- Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã	100.000	Chưa sửa đổi nghị quyết (đang áp dụng thông tư 250/2016/T-BTC
			- Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã	50.000	
			- Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh	50.000	
			- Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh	25.000	
			- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận		Đã thực

2	Bắc Kạn	Nghị Quyết số 09/2020 /NQ-HĐND ngày 17/7/2020	đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) do cấp huyện cấp.	100.000	hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC
			- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) do cấp tỉnh cấp.	200.000	
3	Điện Biên	Nghị Quyết số 21/2020 /NQ-HĐND ngày 15/7/2020	- Cấp mới, cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	50.000	Đã thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
			- Cấp mới, cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	50.000	
			- Cấp mới, cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	50.000	
			- Cung cấp thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	20.000	
			- Cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (Bao gồm cả hồ sơ đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa	40.000	

			điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)		
			- Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước	Miễn thu	
4	Đà Nẵng	Nghị Quyết số: 55/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã	50.000	Đã thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
			- Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	30.000	
			- Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản sao trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	3.000	
5	Đồng Tháp	Nghị Quyết Số: 55/2021/NQ-HĐND ngày 17/08/2021	Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cấp tỉnh cấp	50.000	Đã thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 47/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
			Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cấp huyện cấp	50.000	
			Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	50.000	
			Cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	30.000	
			Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	15.000	

Qua tham khảo mức thu phí, lệ phí của một số tỉnh như bảng nêu trên, cơ quan soạn thảo nhận thấy mức thu phí, lệ phí của mỗi tỉnh quy định là khác nhau, cụ thể như: tỉnh Điện Biên, Đà Nẵng và Đồng Tháp đang áp dụng mức thu phí, lệ phí trên cơ sở quy định tại Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; Tỉnh Lạng Sơn chưa ban hành Nghị quyết thay thế kể từ khi Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực; Tỉnh Bắc Kạn về mức thu các loại hình đăng ký kinh doanh đối với cấp huyện 100.00 đồng/lần cấp, cấp tỉnh 200.000 đồng/lần cấp đang cao hơn mức quy định tại Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Nhằm khuyến khích các loại hình kinh tế (kinh tế tập thể Hợp tác xã, kinh tế tư nhân) cùng phát triển, cần thiết phải điều chỉnh giảm lệ phí cấp giấy đăng ký kinh doanh đối với Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã cho phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp theo quy định tại Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính. Do vậy cơ quan soạn thảo đề xuất giảm mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã là phù hợp.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thu lệ phí

- Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thu lệ phí đối với đối tượng Liên hiệp Hợp tác xã.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thu lệ phí đối với Hợp tác xã, Hộ kinh doanh.

2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

- Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí chủ động xây dựng kế hoạch vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thông qua theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Quy định sửa đổi, bổ sung

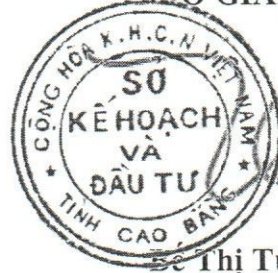
Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có thay đổi về chính sách nhà nước có liên quan đến mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí; đơn vị xây dựng Đề án, Tờ trình gửi Sở Tài chính và các ngành liên quan thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng



Đ. Thị Tú Hằng





BẢNG TỔNG HỢP
Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo
Ý kiến mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
Bảng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện theo trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã gửi dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng lấy ý kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các Liên Hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đến hết ngày 31/5/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 32 ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và giải trình ý kiến tiếp thu, như sau:

STT	Tên đơn vị góp ý	Ý kiến giải trình của Sở KH&ĐT
1	Sở Tư pháp 1. Đối với dự thảo Tờ trình Cơ quan soạn thảo cần đảm bảo các nội dung dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ - CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, dự thảo bỏ nội dung tại Mục VI của dự thảo. 2. Đối với dự thảo Nghị quyết a) Về nội dung - Để thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết, cơ quan soạn thảo nên quy định tên dự thảo Nghị quyết như sau: NGHỊ QUYẾT	Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

-Tại Điều 1

+ Dự thảo cần trình bày đề thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết và bổ sung quy định phạm vi điều chỉnh của nghị quyết.

+ Tại khoản 4 dự thảo cần bỏ cụm từ “Cơ quan” để thống nhất trong dự thảo.

-Tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định “*Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày thông qua*” là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020): “*Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó...; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...*” và tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 151 và Điều 152 của Luật...*”. Đồng thời, cơ quan soạn thảo cần xem xét gộp nội dung tại Điều 2, 3 thành 01 Điều, cụ thể:

“Điều ... Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này bãi bỏ điểm a khoản 6 Điều 1 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và khoản 2, khoản 3, khoản 4

	<p>Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ...tháng ...năm 2022 và có hiệu lực từ ngày...tháng... năm 2022./.”</p> <p>b) Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản</p> <p>-Tại căn cứ pháp lý</p> <p>+ Cơ quan soạn thảo nên gộp các căn cứ thứ nhất và căn cứ thứ hai; căn cứ thứ 3 và căn cứ thứ 4; căn cứ thứ 12 và căn cứ thứ 13 thành 01 dòng vì các căn cứ pháp lý này có liên quan với nhau.</p> <p>+ Tại căn cứ thứ 12 và căn cứ thứ 13 dự thảo cần viện dẫn chính xác tên văn bản và gộp thành 01 dòng, cụ thể:</p> <p>“<i>Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</i>”</p> <p>-Tại dòng chữ “<i>Xét Tờ trình số/TT-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.</i>” dự thảo cần trình bày đề đồng nhất với Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>“<i>Xét Tờ trình số/TT-UBND ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự</i></p>	
--	---	--

	<p><i>thảo</i> Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp. ”</p> <p>- Cơ quan soạn thảo nên xem xét, trình bày bổ cục nội dung văn bản như sau:</p> <p>“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng...</p> <p>Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí...</p> <p>Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành</p> <p>...”</p>	
2	<p>Sở Lao động - Thương binh và xã hội</p> <p>Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có một số ý kiến đóng góp như sau:</p> <p>1. Đối với dự thảo Tờ trình: Nhất trí nội dung dự thảo tờ trình ban hành Nghị quyết.</p> <p>2. Đối với dự thảo Nghị quyết:</p> <p>- Sửa đổi nội dung “Điều 2: Nghị quyết này thay thế nội dung tại điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” thành: “Điều 3. Hiệu lực thi hành</p> <p>Nghị quyết này thay thế nội dung tại điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng”.</p> <p>- Sửa đổi nội dung “Điều 3. Tổ chức thực hiện” thành “Điều 2. Tổ chức thực hiện”.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>
3	<p>Sở Giao thông vận tải</p> <p>Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:</p> <p>1. Đối với dự thảo Tờ trình Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa</p>

		<p>-Tại mục I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT đề nghị bổ sung từ tại tiêu đề của điểm 1. Căn cứ pháp lý; bổ sung điểm 2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết, nội dung của điểm này nêu cơ bản về Quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng hiện nay đang áp dụng, những bất hợp lý hoặc chưa thống nhất với các văn bản của cấp trên đề nêu ra sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết thay thế;</p> <p>-Bỏ mục III. ĐỔI TƯỞNG ÁP DỤNG do đã nêu trong mục V. BỔ CỤC VÀ NỘI DUNG CÔNG BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT tại điểm 2.1;</p> <p>-Bổ sung thêm mục NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN để tập trung nêu đề xuất của cơ quan soạn thảo (như lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã từ 100.000 đồng thành 50.000 đồng).</p> <p>2. Đối với dự thảo Nghị quyết:</p> <p>-Đề nghị sửa tên của Tờ trình tại phần Xét căn cứ đúng với tên tại dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết.</p> <p>-Tại Biểu mức thu lệ phí đề nghị chỉ để 01 cột Mức thu do các đối tượng nộp lệ phí đã nêu tại điểm 1. có cùng mức thu đối với các danh mục thu.</p> <p>3. Các nội dung khác: Nhất trí như dự thảo</p>	theo ý kiến góp ý
4	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng	<p>Sau khi xem xét nội dung dự thảo, Ban quản lý Khu kinh tế góp ý với các nội dung sau:</p> <p>-Tại mục 3, Điều 1Mức thu lệ phí, đối với quy định tại mức thu góp chung đối tượng thu Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh vào cùng chung 1 cột vì mức thu của 2 cột giống nhau.</p> <p>- Các nội dung khác nhất trí với nội dung Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết</p>	Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
5	Hội nông dân tỉnh Cao Bằng	<p>1. Về dự thảo tờ trình: nhất trí</p> <p>2. Về dự thảo Nghị quyết: nhất trí</p> <p>3. Về bản thuyết minh: tại mục 2 trang 1, sửa tên đề mục “sự cần thiết của Đề án” thành “sự cần thiết của Nghị quyết”</p>	Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý

6	<p>Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.</p>	<p>1. Đối với thể thức văn bản</p> <p>- Các khoản quy định tại các điều của dự thảo nghị quyết để chử in thường (không đậm).</p> <p>- Quy định lại dự thảo nghị quyết có Điều 2 như sau: “Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định”.</p> <p>- Quy định lại dự thảo nghị quyết có Điều 3 như sau: “Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.</p> <p>- Bổ sung Điều 4 có nội dung: “Điều 4. Nghị quyết này thay thế nội dung tại điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022./.</p> <p>22. Đối với nội dung dự thảo nghị quyết: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nhất trí.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>
7	<p>Cục Thuế tỉnh</p>	<p>1. Đối với Dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết</p> <p>Tại phần căn cứ pháp lý có ghi:</p> <p>“Căn cứ Thông tư số 106/TT-BTC, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;”</p> <p>Đề nghị điều chỉnh thành:</p> <p>“Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;”</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>

	<p>2. Đối với Dự thảo Nghị quyết</p> <p>2.1. Tại phần căn cứ pháp lý có ghi:</p> <p>“Căn cứ Thông tư số 106/TT-BTC, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;”</p> <p>Đề nghị điều chỉnh thành:</p> <p>“Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;”</p> <p>2.2. Tại Điều 2 Dự thảo Nghị quyết có ghi:</p> <p>“Điều 2: Nghị quyết này thay thế nội dung tại điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.”</p> <p>Cục Thuế đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>“Điều 2. Nghị quyết này thay thế nội dung tại khoản 6 Điều 1 của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; thay thế nội dung tại điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.”</p> <p>Lý do: Tại Dự thảo Nghị quyết đã ghi đầy đủ các nội dung thay thế về Lệ phí đăng ký kinh doanh (đối tượng nộp, trường hợp được miễn, mức thu lệ phí, cơ quan tổ chức thu,</p>	

	<p>tổ chức thực hiện thu nộp) quy định tại khoản 6 Điều 1 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>3. Đối với các nội dung khác, Cục Thuế nhất trí với bản dự thảo, không có ý kiến sửa đổi, bổ sung.</p>	
<p>8 Phòng Thương Mại và công nghiệp Việt Nam</p>	<p>I. Dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng</p> <p>1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết (Mục I)</p> <p>Mục I của Dự thảo Tờ trình mới chỉ có “7. Căn cứ pháp lý” (lý?), gồm “căn cứ” một số luật, nghị định và thông tư liên quan. Tuy nhiên, đây mới chỉ là liệt kê các căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết mà chưa phải là lý giải về sự cần thiết.</p> <p>Do đó, đề nghị Quý Cơ quan rà soát, bổ sung và làm rõ một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ (cơ sở) pháp lý: diễn giải những nội dung gì là yêu cầu, định hướng trong các quy định phạm pháp luật dẫn tới phải ban hành Nghị quyết này (chứ không liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để ban hành Nghị quyết); - Việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn: (i) nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quy định hiện hành (nếu có), (ii) đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương... <p>1. Về quan điểm chỉ đạo (Điều 2 Mục II)</p> <p>Dự thảo nêu quan điểm chỉ đạo là (i) phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật liên quan, và (ii) đảm bảo khả thi và phù hợp điều kiện với điều kiện kinh tế xã hội của các địa phương và thực tế hiện nay.</p> <p>Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và bổ sung việc bám đảm phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và/hoặc các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước đây về vấn đề này.</p> <p>1. Về đối tượng áp dụng (Mục III)</p> <p>Dự thảo Tờ trình chỉ có một Điều duy nhất nên không cần đánh số mà đưa luôn nội dung vào Mục III.</p>	<p>-Nhất trí tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung theo ý kiến góp ý của phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.</p> <p>-Về tương đụng, tương nộp lệ</p> <p>Đối áp đối lệ</p>

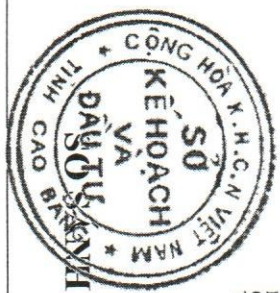
	<p>Dự thảo Tờ trình nêu đối tượng áp dụng của Nghị quyết được quy định là “Hộ kinh doanh; hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”. Tuy nhiên, đề nghị Quý Cơ quan rà soát lại, quy định về nhóm đối tượng như vậy là chưa đầy đủ, chưa chính xác. Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ thu, thì đối tượng áp dụng sẽ phải gồm bên nộp, bên thu và các bên liên quan.</p> <p>Về phía đối tượng nộp: khi một cá nhân, một nhóm cá nhân hay tổ chức muốn thành lập Hộ kinh doanh hay Hợp tác xã thì phải nộp hồ sơ hợp lệ và nộp đủ phí đăng ký theo quy định. Như vậy, nghĩa vụ đóng lệ phí đăng ký kinh doanh thuộc về tổ chức, cá nhân đó chứ không phải hộ kinh doanh, hợp tác xã (vì chưa chính thức được thành lập).</p> <p>Do đó, đề nghị Quý Cơ quan điều chỉnh quy định về đối tượng áp dụng của Nghị quyết này là:</p> <p><i>a) Người nộp lệ phí:</i></p> <p><i>Các cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Quy tín dụng nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.</i></p> <p><i>b) Tổ chức thu lệ phí:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện. c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh. <p>1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết (Mục IV)</p> <p>Mục này nêu mô tả quá trình xây dựng dự thảo qua các bước. Công việc rà soát, tham khảo mức thu lệ phí một số tỉnh là công việc của cơ quan soạn thảo và việc mong muốn khuyến khích các loại hình doanh nghiệp cùng phát triển để từ đó điều chỉnh giảm lệ phí cấp giấy đăng ký kinh doanh là rất đáng hoan nghênh, là một trong những căn cứ thực tiễn để ban hành Nghị quyết chứ không nên đưa vào Mục IV này.</p>	<p>phí: cơ quan soạn thảo áp dụng theo quy định tại Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/04/2021 về đăng ký kinh doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã, Liên Hiệp Hợp tác xã quy định tại Điều 2 Luật 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 về Luật Hợp tác xã, vì vậy cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung này theo dự thảo Nghị quyết đã được các sở, ngành và Sở Tư pháp đã có ý</p>
--	---	---

	<p>Các nội dung đang nêu trong Mục IV của Tờ trình về việc đề nghị giữ nguyên, đề nghị điều chỉnh một số quy định nên đưa vào phần Nội dung và bổ cục của dự thảo Nghị quyết.</p> <p>Mục IV chỉ nên nêu đúng về quá trình này, do đó đề nghị Quý Cơ quan cân nhắc nêu rõ quá trình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập cơ quan soạn thảo; - Xây dựng dự thảo, tờ trình và các tài liệu khác thuộc hồ sơ (nếu có); - Tô chức lấy ý kiến; - Tô chức thẩm tra... <p>5. Về mức thu lệ phí (Khoản 3 Mục V)</p> <p>Dự thảo Tờ trình nêu bốn nội dung thu là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã; - Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; - Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản sao trích lục nội dung đăng ký kinh doanh; - Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh. <p>Về mặt thuật ngữ, hiện nay theo quy định pháp luật, đối với hộ kinh doanh là “Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh” và đối với hợp tác xã là “Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã” chứ không phải là “giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”. Do đó, đề nghị Quý Cơ quan rà soát sử dụng thuật ngữ cho phù hợp.</p> <p>Đối với các hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày 01/8/2014 có nhu cầu đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nhưng không thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã thì phải gửi giấy đề nghị cấp đổi đến cơ quan đăng ký hợp tác xã và đề nghị Quý Cơ quan cũng xem xét có nội dung thu phí này (thu hoặc miễn).</p> <p>Tại Mục IV (Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết) có nêu: “Đề nghị điều chỉnh Mục 1, điểm c, khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đổi với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã từ mức 100.000 đồng/lần cấp xuống 50.000 đồng/lần cấp”.</p>	<p>Kiến thảo</p> <p>-Đơn vị góp ý có ý kiến bổ sung nội dung đối tượng thu phí là Quý tín dụng nhân dân vào dự thảo, tuy nhiên cơ quan soạn thảo không đưa đối tượng này vào để thực hiện trên địa bàn tỉnh với lý do: trong các năm vừa qua qua không có thủ tục phát sinh, nhân thấy do điều kiện, đặc điểm tình hình của các Hợp tác xã hiện nay chưa đáp ứng đủ các tiêu chí</p>
--	--	--

	<p>Tuy nhiên, mức thu đối với Hộ gia đình tại Nghị quyết 22/2018/NQ-HĐND nói trên đã là 50.000 đồng (chứ không phải là 100.000 đồng), như vậy ở dự thảo Nghị quyết mới này, mức thu giữ nguyên chứ không giảm.</p> <p>Do đó, trên theo quan điểm giảm lệ phí đăng ký kinh doanh để khuyến khích các loại hình doanh nghiệp cùng phát triển, đề nghị Quý Cơ quan xem xét điều chỉnh giảm mức thu đối với Hộ kinh doanh ở Nghị quyết.</p> <p>II. Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng</p> <p>1. Về căn cứ pháp lý</p> <p>Do Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã nên không cần trích dẫn căn cứ pháp lý là Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>1. Về đối tượng nộp lệ phí</p> <p>Đề nghị xem xét ý kiến về đối tượng nộp đã nêu tại phần góp ý dự thảo Tờ trình ở trên.</p> <p>2. Về mức thu lệ phí</p> <p>Đề nghị xem xét ý kiến về mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh đã nêu tại phần góp ý dự thảo Tờ trình ở trên.</p>	<p>theo Luật tổ chức tín dụng.</p>
		<p>-Mức thu lệ phí hộ kinh doanh quy định tại Nghị quyết với mức 50.000 đồng/lần cấp là phù hợp, cơ quan soạn thảo giữ nguyên mức thu phí.</p>

9	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Nhất trí như dự thảo	
10	Hội cựu chiến binh tỉnh Cao Bằng	Nhất trí như dự thảo	
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn	Nhất trí như dự thảo	
12	Sở Nội vụ	Nhất trí như dự thảo	
123	Sở Khoa Học và công nghệ	Nhất trí như dự thảo	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí như dự thảo	
15	Sở Ngoại Vụ	Nhất trí như dự thảo	
16	Sở Xây dựng	Nhất trí như dự thảo	
17	Ban Dân tộc	Nhất trí như dự thảo	
18	Ủy ban nhân dân thành phố	Nhất trí như dự thảo	
19	Ủy ban nhân dân huyện Thạch An	Nhất trí như dự thảo	
20	Ủy ban nhân dân huyện Hòa An	Nhất trí như dự thảo	
21	Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng	Nhất trí như dự thảo	
22	Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng	Nhất trí như dự thảo	
23	Hội người mù Cao Bằng	Nhất trí như dự thảo	

24	Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng	Nhất trí như dự thảo	
25	Hội Liên hiệp Phụ Nữ tỉnh Cao Bằng	Nhất trí như dự thảo	
26	Công an tỉnh Cao Bằng	Nhất trí như dự thảo	
27	Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Cao Bằng.	Nhất trí như dự thảo	
28	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Nhất trí như dự thảo	
29	Sở Văn hóa, thể thao và Du Lịch	Nhất trí như dự thảo	
30	Sở Giáo dục Đào tạo	Nhất trí như dự thảo	
31	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm	Nhất trí như dự thảo	
32	Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình	Nhất trí như dự thảo	



MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT MỚI VỚI NGHỊ QUYẾT CŨ

STT	Danh mục		Dự thảo Nghị quyết mới năm 2022	Ghi chú
1	Tên gọi	Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Điều chỉnh tên theo công văn số 789/UBND-TH ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh và Công văn số 438/STP-NV1 ngày 13/5/2022 của Sở Tư pháp
2	Đối tượng áp dụng	Hộ gia đình; hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	Cả nhân, thành viên hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp	Chính sửa đổi tương cho phù hợp theo qui định

			tác xã	
		Đổi với cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước.	Miễn lệ phí đổi với các trường hợp sau: - Thay đổi các thông tin khi Nhà nước thay đổi địa giới hành chính; - Đăng ký giải thể, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động; - Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với Hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp.	Căn cứ Điều 5 Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp
3	Miễn lệ phí đổi với các trường hợp sau	- Đăng ký kinh doanh (Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã) 100.000 đồng / lần cấp,	- Đăng ký kinh doanh (Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã) 50.000 đồng/ lần cấp	- Giảm lệ phí đăng ký (Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã từ 100.000đồng giảm còn 50.000 đ/lần cấp tương đương với mức thu của Đăng ký thành lập doanh nghiệp (Điều 4 Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và
4	Mức thu lệ phí			

		<p>-Hộ gia đình : 50.000 đồng /lần cấp.</p> <p>-Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (<i>chứng nhận hoặc thay đổi</i>)(Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã) 30.000 đồng /lần cấp, Hộ gia đình : 30.000 đồng /lần cấp.</p> <p>- Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh: 3.000 đồng/lần cấp</p> <p>- Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: 15.000 đồng/ 1bản</p>	<p>- Hộ kinh doanh : 50.000 đồng /lần cấp.</p> <p>-Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (<i>chứng nhận hoặc thay đổi</i>) (Liên hiệp hợp tác xã, Hợp tác xã) 30.000 đồng/lần cấp, Hộ gia đình : 30.000 đồng /lần cấp.</p> <p>- Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh: 3.000 đồng/lần cấp</p> <p>- Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: 15.000 đồng/ 1bản</p>	<p>sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp)</p> <p>- Không thay đổi</p>
5	Cơ quan thu lệ phí	<p>- Cấp tỉnh: các Sở chuyên ngành có thẩm quyền cấp giấy đăng ký kinh doanh;</p> <p>- Cấp huyện: cơ quan thu lệ phí là Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố.</p>	<p>- Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thu lệ phí đối với đối tượng Liên hiệp hợp tác xã</p> <p>- Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố tổ chức thu lệ phí đối với các đối tượng: Hợp tác xã, hộ kinh doanh.</p>	<p>Chức năng nhiệm vụ không thay đổi, quy định chi tiết cụ thể hơn.</p>
6	Chế độ thu, nộp, quản	1. Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp	- Thực hiện theo quy định của Luật	Không thay đổi

<p>Lý và sử dụng lệ phí</p>	<p>100% (một trăm phần trăm) tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.</p> <p>2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức thu lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản</p>	<p>Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.</p> <p>- Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí chủ động xây dựng kế hoạch vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thông qua theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>	<p>Không thay đổi</p> <p>Không thay đổi</p> <p>Chính sửa một số nội dung cho phù hợp.</p>
-----------------------------	---	---	---

	<p>Lý thuế.</p> <p>5. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp lệ phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật phí, lệ phí; Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí, lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) ./</p>		